TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2017/HNGĐ-ST.

Ngày: 19/9/2017.

V/v: ***"Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con"***.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG.

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Trúc**.

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông **Nguyễn Văn Thử**.

2. Bà **Châu Thị Chúc**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Cẩm Minh**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông **Trần Thanh Lâm**, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 116/2017/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 6 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2017/QĐST-HNGĐ ngày 09/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2017/QĐST-HNGĐ ngày 28/8/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lữ Thị Minh H**, sinh năm 1976 (có mặt).

2. Bị đơn: Anh **Trần Minh D**, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ số: Số 108, ấp L, xã P, huyện C, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 16/6/2017, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Lữ Thị Minh H trình bày:

Chị Lữ Thị Minh H và anh Trần Minh D kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký và được Ủy ban nhân xã P, huyện C, tỉnh S cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/6/2007. Thời gian chung sống, anh, chị rất hạnh phúc, đã có 02 con chung, nhưng đến khoảng tháng 02/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu, đánh chị H, từ đó dẫn đến bất đồng quan điểm, không hợp nhau; anh, chị có 02 con chung: Trần Nhựt T, sinh ngày 31/5/1997

và Trần Diệp U, sinh ngày 11/6/2007; Về tài sản chung: Chị H và anh D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Chị H trình bày không có.

Nay chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn; xin nuôi 02 con chung; không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, anh, chị tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết; nợ chung, chị H trình bày không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn Trần Minh D: Toà án đã tống đạt thông báo thụ lý số 116/TB.TLVA ngày 27/6/2017 cho bị đơn hợp lệ, nhưng đến nay bị đơn không có ý kiến bằng văn bản gởi cho Toà án đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn; Toà án đã tống đạt thông báo, giấy triệu tập về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải hợp lệ đến lần thứ 2, nhưng bị đơn vắng mặt không lý do, nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng: Anh D đã được Tòa án tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên Tòa, nhưng anh D đều vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử xét áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tung dân sư tiến hành xét xử vắng mặt anh D.

- Về nội dung:

[1] Xét thấy chị Lữ Thị Minh H và anh Trần Minh D kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký và được Ủy ban nhân xã P, huyện C, tỉnh S cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/6/2007 phù hợp theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống anh, chị rất hạnh phúc, đã có 02 con chung, nhưng đến khoảng tháng 02/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm không hợp nhau. Tại phiên tòa chị H kiên quyết xin ly hôn; do đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh D đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 cho ly hôn là phù hợp.

[2] Về con chung: Anh, chị có 02 con chung: Trần Nhựt T, sinh ngày 31/5/1997 và Trần Diệp U, sinh ngày 11/6/2007.

Xét thấy cháu Trần Nhựt T, sinh ngày 31/5/1997 đến nay cháu T trên 20 tuổi, đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết; đối với cháu Trần Diệp U, sinh ngày 11/6/2007, tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 13/7/2017, cháu U xin được chung sống với chị H; căn cứ khoản 1, 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu cho chị H nuôi dưỡng đến trở thành; giành quyền, nghĩa vụ thăm nom con cho anh D theo khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Chị H và anh D tự thỏa thuận, không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Chi H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đạt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nên chị H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn. Xét thấy đề nghị của Viện kểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lữ Thị Minh H với anh Trần Minh D.

- Về con chung:

+ Cháu Trần Nhựt T, sinh ngày 31/5/1997, đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Giao cháu Trần Diệp U, sinh ngày 11/6/2007 cho chị H nuôi dưỡng đến trở thành; giành quyền, nghĩa vụ thăm nom con cho anh D; chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị H và anh D tự thỏa thuận, không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chi H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đạt ra xem xét.

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Lữ Thị Minh H phải chịu 300.000đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000đồng, theo biên lai thu tiền số 0006904 ngày 19/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành; như

vậy chị H đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *Tòa án tỉnh;*
- *VKSND huyện C;*
- *Chi cục THADS huyện C;*
- *UBND xã P;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Trúc